

NHẬN DIỆN TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN CHUẨN MỤC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

● LÊ THỊ THU HƯƠNG

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, thông tin kế toán là vấn đề quan trọng đối với chủ doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, sự phát triển khoa học, công nghệ và thông tin cũng đòi hỏi việc cung cấp thông tin kế toán phải được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác và đáng tin cậy, phục vụ hiệu quả cho quản lý và việc ra quyết định của chủ doanh nghiệp. Bài viết bàn về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) theo quy định của Ủy ban chuẩn mực kế toán tài chính (FASB). Từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin BCTC cho các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Từ khóa: Chất lượng thông tin, báo cáo tài chính, Ủy ban chuẩn mực kế toán tài chính (FASB).

1. Đặt vấn đề

Thông tin BCTC do kế toán cung cấp được xem là thành phần chính yếu của thông tin quản lý, đảm nhận vai trò quản lý nguồn lực thông tin tài chính cho các doanh nghiệp - James A. Hall, 2011. Thông tin kế toán trung thực, chính xác, minh bạch sẽ giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin đưa ra các quyết định kinh tế đúng đắn: Nhà nước sẽ xác định được chính xác số thuế doanh nghiệp phải nộp; các nhà đầu tư, các đối tác khác sẽ thấy an toàn khi đưa ra các quyết định đầu tư, góp vốn; ngân hàng sẽ yên tâm khi đưa ra các quyết định cho vay thông qua việc thẩm định báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, có một thực tế cho thấy các chủ thể sử dụng thông tin BCTC luôn phải đối mặt với việc tiếp nhận những thông tin kém tin cậy, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau: động cơ gian lận từ phía đối tượng cung cấp thông tin, từ hoạt động kiểm tra kiểm soát kém, từ sự không rõ ràng và cập nhật với sự biến động liên tục của các văn bản pháp luật. Bên cạnh đó, khâu tổ chức thông tin BCTC chưa được thực hiện có tính hệ thống; nội dung lạc hậu, trùng lặp; các phương pháp kỹ thuật rất đơn giản, chưa chú ý đến khai thác các phương tiện, kỹ thuật xử lý thông tin hiện đại; chưa tạo được sự kết nối, tính ổn định; báo cáo kế toán phục vụ quản lý chưa đầy đủ, nội

dung còn đơn giản, mang tính rời rạc; chưa có sự thống nhất, phân tích sâu sắc về tình hình kinh doanh cho các công ty. Vì vậy chất lượng thông tin BCTC được cung cấp bởi kế toán cho nhà quản lý còn gặp nhiều hạn chế. Xuất phát từ thực trạng trên, việc nghiên cứu về chất lượng thông tin BCTC luôn là một trong những vấn đề được cả xã hội và các DN quan tâm hiện nay.

Nghiên cứu này được thực hiện nhận diện tiêu chuẩn đánh giá chất lượng thông tin BCTC theo FASB (2010). Kết quả nghiên cứu nhằm khẳng định có rất nhiều tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng thông tin đối với BCTC của doanh nghiệp, từ đó tạo cơ sở cho việc gợi ý một số chính sách, giải pháp nhằm gia tăng chất lượng thông tin BCTC của các DN tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Khái niệm thông tin BCTC được nhìn nhận theo hai quan điểm sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, BCTC (Financial statements) là sản phẩm của kế toán tài chính, là đầu ra của hệ thống thông tin kế toán, phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả tài chính của doanh nghiệp. BCTC cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, kết quả tài chính và các luồng tiền của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế, nó cũng cho thấy kết quả quản lý của ban giám đốc đối với các nguồn lực được giao phó cho họ (FASB, 2012). Để đáp ứng mục tiêu này, BCTC trình bày thông tin về: tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, thu nhập và chi phí, bao gồm cả lãi và lỗ, khoản góp vốn của chủ sở hữu và phân phối cho chủ sở hữu, các dòng tiền. Thông thường, một hệ thống BCTC bao gồm: báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thu nhập; báo cáo vốn chủ sở hữu; báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh BCTC.

Quan điểm thứ hai cho rằng, mặc dù thông tin BCTC truyền thống trình bày trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán, nhưng chỉ mang tính chất quá khứ nên không đáp ứng nhu cầu thông tin cần thiết hiện nay của người sử dụng. Ngày nay, những thay đổi trong môi trường kinh doanh quốc tế theo xu hướng hội nhập, yêu cầu cần xem xét

lại về bản chất cũng như nội dung của các BCTC của doanh nghiệp. Thông tin BCTC không chỉ gắn liền thông tin tài chính, mà nó còn bao gồm những thông tin phi tài chính (Ali shah.S.Z, 2009). Theo Ferdyn Van Beest (2013) các nhà nghiên cứu thường sử dụng định lượng và tập trung vào những khía cạnh cụ thể của thông tin BCTC, như: chất lượng lợi nhuận, mô hình giá trị phù hợp... thông tin BCTC được hiểu theo nghĩa rộng hơn, khái niệm đa chiều hơn. Các chiều khác nhau của thông tin BCTC được đánh giá hướng đến sự hữu ích của thông tin, do đó nó phải dựa trên cơ sở thông tin tài chính và phi tài chính cũng như các công bố bắt buộc và tự nguyện như trong BCTC thường niên của doanh nghiệp. Thông tin BCTC đảm bảo chức năng thiết yếu cho thị trường vốn hiệu quả, vì vậy doanh nghiệp ngoài việc cung cấp BCTC truyền thống theo quy định luật pháp cần phải bổ sung những báo cáo mang tính chất tự nguyện về những phân tích đánh giá, các dự báo của nhà quản lý (Healy và Palepu, 2001).

2.1. Chất lượng thông tin BCTC

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về chất lượng thông tin BCTC, nhưng chưa có định nghĩa chung về thuật ngữ "chất lượng" (McFie, 2006). Trong khi chưa có một định nghĩa thống nhất chung, nhưng hầu hết mọi người sử dụng lại hiểu nó dưới khái niệm là "chất lượng kế toán" (Imhoff, 2003). Robison và Munter (2004) cho rằng, "BCTC chất lượng cao" khi nó trình bày hợp lý hoạt động, tình hình tài chính của công ty khi nói về BCTC theo ý nghĩa rộng hơn, bao gồm cả những công bố. Trong khi đó, McFie (2006) cho rằng nhiều người nhận thức khác nhau về chất lượng và trong số ít họ có thể đo lường được mức độ này. Ví dụ BCTC được xem là có chất lượng cao đối với các nhà nghiên cứu, nhưng có thể những người sử dụng khác thì không. Vì vậy, thuật ngữ "chất lượng" là một thuộc tính mang tính chất chủ quan mà nó được cảm nhận tùy thuộc vào mỗi cá nhân khác nhau liên quan đến chủ đề cần quan tâm.

McFie (2006) khẳng định một cách sâu hơn khi phân biệt hai khái niệm "chất lượng BCTC" (Quality of financial reporting) và "BCTC có chất

lượng" (Quality financial reporting) là hai khái niệm khác nhau. "BCTC có chất lượng" muốn đề cập đến sự hoàn hảo, còn "chất lượng BCTC" đề cập đến sự thay đổi từ "thấp hoặc nghèo nàn" đến "cao hoặc hoàn hảo". Tác giả cũng cho thấy rằng chất lượng thông tin BCTC dù chỉ xét ở một yếu tố riêng lẻ cũng có những nhân thức khác nhau. Chất lượng thông tin BCTC tùy thuộc vào mức độ quan trọng và sự hữu ích của thông tin đối với người sử dụng (Jonas và Blanchet, 2000).

Các nghiên cứu trước đây xem xét chất lượng thông tin BCTC ở nhiều góc độ khác nhau như: quản trị lợi nhuận (Earning management) (Ali shah S.Z et al. 2009; Ebraheem Saleem Salem Alzoubi, 2012; Lejla Hussein Amer, Naser Abdelkarim, 2012; M. Awaiz Gulzar, 2011.), công bố lại BCTC và gian lận BCTC (financial restatements/Fraud) (Schipper & Vicent, 2003; Abbot.L, Parker Susan, Peter.F, 2004; Anup Agrawal và Sabiha Chadha, 2004; Huang Zhizhong, Zhang Juan, 2011; Sandeep Nabar, Yongtae Kim, William G. Heninger, 2007; Srinivasan, 2004; David B. Farber, 2004; Rezaee, 2003), gian lận thông tin phi tài chính (Persons, 2006). Một nhóm nghiên cứu khác lại tập trung vào chất lượng công bố, bao gồm cả công bố các thông tin bắt buộc và thông tin tự nguyện (Anna Watson, Philip Shrivrs, Claire Marston, 2002; Naser, K. and Nuseibeh, R.,2003; Bader Al-Shammari, Waleed Al-Sultan, 2010; Eugene C.M. Cheng, Stephen M. Courtenay, 2006;...)

Quan điểm Ferdy van Beest và các cộng sự (2009) cho rằng các nghiên cứu trên (quản trị lợi nhuận, công bố lại và gian lận BCTC) thường đo lường các thông tin về tài chính. Chất lượng thông tin BCTC theo nghĩa rộng hơn, không chỉ nói đến những thông tin tài chính mà bên cạnh đó cần phải có những thông tin phi tài chính để những thông tin này hữu ích cho quá trình ra quyết định. Nhóm tác giả này dựa trên nghiên cứu của Jonat và Blanchet (2000), thực hiện đo lường chất lượng thông tin BCTC trên cơ sở các đặc tính chất lượng của FASB, bao gồm hai đặc tính cơ bản: thích hợp và trình bày trung thực; ba đặc tính bổ sung: có thể hiểu được, có thể so sánh và kịp thời. Theo McFie.J.B (2006) cho rằng quan điểm chất lượng

thông tin BCTC của Jonat và Blanchet (2000) đo lường chất lượng thông tin BCTC dựa trên các đặc tính chất lượng của FASB là cao khi từng đặc tính này được đo lường ở mức độ cao.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, thu thập các dữ liệu thứ cấp về chất lượng thông tin BCTC và FASB từ các báo cáo, bài báo, công trình khoa học... Đặc biệt, bằng việc phỏng vấn sâu các chuyên gia về các lĩnh vực kế toán, quản trị công ty, các thành viên hội đồng quản trị... nhằm khẳng định tính cần thiết các đặc tính chất lượng thông tin BCTC trong môi trường Việt Nam tác giả đã tổng hợp, phân tích, so sánh đối chứng và đưa ra kết luận.

3. Kết quả nghiên cứu

Để đảm bảo thông tin hữu ích cho người sử dụng, thông tin BCTC cần thỏa mãn các đặc tính chất lượng, FASB đưa ra 7 đặc tính chất lượng BCTC như sau:

(1) *Thích hợp*: Những thông tin được xem là thích hợp nếu nó tạo nên sự khác biệt trong việc ra quyết định của người sử dụng nằm trong khả năng của họ với tư cách là nhà cung ứng vốn. Để làm được điều đó thì thông tin cần phải có giá trị dự báo và giá trị xác nhận hoặc cả hai. Việc thông tin có khả năng tác động lên việc ra quyết định hay không, điều này không những phụ thuộc vào việc thông tin đã từng ảnh hưởng lên việc ra quyết định trong quá khứ mà nó sẽ có ảnh hưởng trong tương lai.

(2) *Trình bày trung thực*: Để thông tin BCTC có thể hữu ích, chúng phải được trình bày trung thực, phản ánh những hiện tượng kinh tế đúng với ý nghĩa của chúng. Trình bày trung thực chỉ đạt được khi diễn giải của một sự kiện kinh tế phải được đầy đủ, trung lập và không có những sai sót trọng yếu. Những thông tin tài chính được trình bày trung thực sẽ thể hiện được bản chất của hiện tượng kinh tế thông qua các giao dịch, sự kiện hoặc các yếu tố, điều mà không phải lúc nào cũng đạt được dưới hình thức pháp lý.

(3) *Có thể so sánh*: Khả năng so sánh được thể hiện ở những thông tin có thể cho phép người sử dụng chúng xác định những điểm giống và khác nhau giữa hai hiện tượng kinh tế.

(4) *Nhất quán*: Có nghĩa là việc sử dụng những chính sách và thủ tục kế toán giống nhau giữa các kỳ kế toán hoặc trong một kỳ kế toán giữa các doanh nghiệp với nhau. Nếu như có thể so sánh là mục đích thì sự nhất quán là một điều kiện để đạt được mục đích đó.

(5) *Có thể kiểm chứng*: Là một thuộc tính của thông tin mà có thể đảm bảo cho người sử dụng thông tin được trình bày trung thực theo đúng như bản chất của hiện tượng kinh tế. Thông tin có thể kiểm chứng còn có nghĩa những người sử dụng độc lập với những kiến thức khác nhau có thể đi đến một sự thống nhất chung, tuy nhiên, không nhất thiết là hoàn toàn giống nhau. Để thông tin có thể kiểm chứng thì chúng phải có một trong hai yếu tố sau: (i) Thông tin trình bày trung thực hiện tượng kinh tế mà không có sai sót trọng yếu. (ii) Áp dụng phương pháp ghi nhận hoặc đo lường hợp lý, không có sai sót trọng yếu và thiên lệch.

(6) *Tính kịp thời*: Đặc tính kịp thời có nghĩa là việc có được thông tin sẵn sàng cho người ra quyết định trước khi nó mất đi giá trị và khả năng ảnh hưởng đến những quyết định đó. Có một thông tin thích hợp sớm hơn thì có thể gia tăng mức độ ảnh hưởng của nó đến những quyết định và sự chậm trễ sẽ làm mất đi những giá trị tiềm tàng, công lợi của chúng. Tuy nhiên, có một số thông tin vẫn có thể được xem là kịp thời mặc dù kỳ báo cáo của chúng đã kết thúc rất lâu bởi vì người sử dụng vẫn có thể dùng, cân nhắc chúng khi ra quyết định. Ví dụ, người sử dụng thông tin cần phải xác định xu hướng biến động của nhiều khoản mục trong BCTC để đưa ra quyết định đầu tư hay những quyết định cho vay.

(7) *Có thể hiểu được*: Là thuộc tính của thông tin mà có thể giúp cho những người sử dụng có thể hiểu được ý nghĩa của thông tin. Khả năng hiểu được sẽ gia tăng khi thông tin được phân loại, làm rõ bản chất và trình bày rõ ràng, ngắn gọn.

IV. Khuyến nghị đối với các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam

Theo Báo cáo của WB năm 2018 đánh giá, gần 20 năm trở lại đây, Việt Nam đã có những nỗ lực trong việc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) phù hợp với thông lệ quốc tế với việc đã ban hành và triển khai áp

dụng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. Do đó, BCTC của các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng trở nên trung thực và minh bạch hơn. Tuy nhiên trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin đặt ra đòi hỏi về việc nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin BCTC trong hoạt động của DN niêm yết tại Việt Nam là hết sức cần thiết. Thực tế hoạt động của DN cho thấy, cần chú ý một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện và hướng dẫn chi tiết thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. Cơ quan quản lý phải có hướng dẫn chi tiết về những quy định trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, đồng thời phải đảm bảo tính thống nhất giữa Nghị định của Chính phủ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, hệ thống chuẩn mực kế toán và chuẩn đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán phải tiếp tục hoàn thiện để phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hai là, chú trọng xây dựng, củng cố và hoàn thiện theo nguyên tắc “coi trọng nội dung bản chất hơn hình thức” trong việc hướng dẫn ghi nhận và trình bày thông tin kế toán. Hiện nay, Luật Kế toán 2015 cũng quy định rõ, việc lập và trình bày BCTC phải đảm bảo phản ánh đúng bản chất của giao dịch hơn là hình thức, tên gọi của giao dịch.

Theo các chuyên gia kế toán, “Coi trọng bản chất hơn hình thức” thuộc nhóm đặc tính về đảm bảo độ tin cậy của thông tin kế toán theo như quy định trong Khung mẫu của Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng và tính hữu dụng của thông tin kế toán cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin qua báo cáo tài chính của DN.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán để đáp ứng được các quy định của pháp luật nói chung và gắn liền với việc nâng cao chất lượng thông tin kế toán nói riêng. Chẳng hạn, đối với việc sửa chữa, điều chỉnh số kế toán, BCTC khi phát hiện sai sót trọng yếu từ những năm trước cần phải điều chỉnh hồi tố khi đơn vị kế toán áp dụng phần mềm kế toán, thì đơn vị cung cấp thiết kế phần mềm kế

toán phải xây dựng được tính năng hoặc cơ chế kiểm soát "Dấu vết điều chỉnh, sửa chữa".

Bốn là, khuyến khích kế toán viên nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Kế toán viên, kiểm toán viên trong DN tham gia vào việc lập và báo cáo thông tin có thể được công bố ra công chúng hoặc được đối tượng khác trong và ngoài DN sử dụng. Thông tin này có thể bao gồm thông tin tài chính hoặc thông tin quản lý. Do vậy, họ phải lập hoặc trình bày thông tin một cách trung thực, hợp lý và phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày thông tin để các thông tin này được hiểu đúng bản chất.

Phải đảm bảo rằng BCTC đó được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày BCTC được áp dụng. Kế toán viên, kiểm toán viên phải luôn tuân thủ nguyên tắc đạo đức cơ bản về tính chính trực, nguyên tắc này yêu cầu kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp phải thẳng thắn và trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán trong tình hình mới. Trong đó, chương trình đào tạo kế toán - kiểm toán tại các trường đại học,

cao đẳng cần chủ động cập nhật theo những thay đổi của chuẩn mực kế toán quốc tế đã được thừa nhận. Bên cạnh đó, các trường đại học cũng cần có cách thức để rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, phán đoán giao dịch, vận dụng nguyên tắc kế toán, ứng dụng CNTT để xử lý và trình bày thông tin một cách linh hoạt, đảm bảo tính thích hợp, tin cậy và tính có thể so sánh được.

V. Kết luận

BCTC là đầu ra của hệ thống thông tin kế toán, cung cấp thông tin tài chính hữu ích về doanh nghiệp cho các đối tượng sử dụng, trong đó chủ yếu là nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, người cho vay và các chủ nợ khác trong việc đưa ra quyết định về việc cung cấp nguồn lực cho doanh nghiệp. Để có thể cung cấp thông tin hữu ích, BCTC cần thỏa mãn các đặc điểm chất lượng. Sự phát triển của hệ thống kế toán và BCTC tại các quốc gia không tách rời mà phản ánh và chịu tác động đan xen của môi trường kinh tế, chính trị, pháp lý, văn hóa và quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. Nội dung của hệ thống BCTC theo FASB và các quốc gia có sự tương đồng nhất định trong cấu trúc nói chung, có sự đa dạng về nội dung của các BCTC để đáp ứng linh hoạt như cầu thông tin của các đối tượng sử dụng và ngày càng có nhiều thông tin về nguồn lực trí thức và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài chính, 2005. Chuẩn mực kế toán số 28: Báo cáo bộ phận. Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC, ngày 15/02/2005.
2. Bộ Tài chính, 2005. Chuẩn mực kế toán số 29: Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán. Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC, ngày 15/02/2005.
3. Bộ Tài chính, 2012. Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012
4. Đặng Thị Thủy Hằng, 2011. Thực trạng và giải pháp cho vấn đề công bố thông tin kế toán của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam. Website Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán. <http://www.khoahockiemtoan.vn/Category.aspx?newsID=426>

Ngày nhận bài: 22/12/2018

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/1/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/1/2019

Thông tin tác giả:

ThS. LÊ THỊ THU HƯƠNG

Đại học Công nghiệp Hà Nội

IDENTIFYING STANDARDS FOR ASSESSING THE QUALITY OF FINANCIAL STATEMENTS INFORMATION IN ACCORDANCE WITH THE FINANCIAL ACCOUNTING STANDARDS BOARD

● **MA. LE THI THU HUONG**

Hanoi University of Industry

ABSTRACT:

In the context of Vietnam's deep integration into the global economy with increasingly fierce competition, accounting information is an important issue for business owners and state management agencies. In addition, the development of science, technology and information also requires that the accounting information has to be provided quickly, accurately and reliably to effectively support business owners in making decision and doing business management. This article discusses the standards for assessing the quality of financial statements in accordance with the Financial Accounting Standards Board (FASB), thereby proposing some recommendations to improve the quality of financial statements information for companies listed on Vietnam's stock market.

Keywords: The quality of information, financial statements, Financial Accounting Standards Board (FASB).